TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2018/DS-PT
Ngày 07 - 11 - 2018
V/v tranh chấp đòi quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Túy Giang

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2018/TLPT-DS, ngày 16 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp đòi quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Chị Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1979 (có mặt);

2. Anh Lê Hoàng S, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Nguyễn Hoàng L: Bà Nguyễn Thị H, Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Hoàng S: Chị Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1979 (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1954; địa chỉ: Ấp Đ, xã B, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lê Hoàng P, sinh năm 1995

2. Chị Lê Yến N, sinh năm 2000

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Hoàng P và chị Lê Yến N: Chị Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1979 (có mặt)

3. Bà Hoàng Thu V (Hoàng Thị V), sinh năm 1961 (có mặt)

4. Ông Lâm Văn C, sinh năm 1946 (vắng mặt)

5. Bà Võ Thị L, sinh năm 1948 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã B, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị Nguyễn Hoàng L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Hoàng L đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Hoàng S, anh Lê Hoàng P, chị Lê Yến N trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của bà Nguyễn Thị C1, năm 1995 bà C1 chuyển nhượng cho ông V 04 công, cùng thời điểm đó ông V cho chị L 03 công, còn 01 công đến năm 1997 thì ông V chuyển nhượng lại cho chị L với giá 85 giạ lúa. Năm 1997, chị L và anh S nhận chuyển nhượng của bà C1 thêm 04 công. Năm 1999, ông V đứng ra làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đối với 08 công đất trên nên chị L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất nhiều hơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 10.400m^2 là do trước đây sang nhượng đo bằng tầm (01 tầm=3m), nay đo dây nên dư ra. Hơn nữa đất của bà C1 đến hơn chục công sau khi sang nhượng cho những người khác thì còn lại sang cho chị L 04 công là hết, có dư một phần nên đưa bằng khoán và cho chị L luôn. Ngoài ra, trong phần đất tranh chấp có một phần nguồn gốc của ông Lâm Văn C: Cụ thể năm 2000, ông C có làm giấy chuyển nhượng cho ông V phần đất biền (không đo đạc nên không biết diện tích cụ thể) giáp với phần đất 08 công của chị L với giá 80 giạ lúa. Tuy ông C làm giấy chuyển nhượng với ông V là cha chị nhưng trong đó chị L có hùn vào 40 giạ lúa để nhận chuyển nhượng phần đất trên.

Nay chị L yêu cầu ông V và bà V trả lại đất tranh chấp theo đo đạc thực tế là 544,9m^2. Đối với cây trồng trên đất chị L tự nguyện trả giá trị theo như định giá.

Bị đơn ông Nguyễn Văn V trình bày: Ông thống nhất nguồn gốc 08 công đất như chị L trình bày là của bà C1. Cụ thể năm 1980, ông V nhận chuyển nhượng của bà C1 02 công, năm 1995, ông nhận sang nhượng tiếp 02 công. Năm 1999, ông V cho chị L 03 công và sang nhượng cho chị L 01 công. Vào năm 1998, chị L sang nhượng của bà C1 04 công tầm cấy. Ông V là người đi kê khai, đăng ký dùm cho chị L và chị L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 08 công là 10.400m^2 (tính chẵn 01 công tầm cấy là

1.300m^2). Đối với phần đất tranh chấp chưa có ai đứng tên quyền sử dụng có nguồn gốc của ông Lâm Văn C. Ông C sang nhượng cho ông vào năm 2000. Ông để cho chị L sử dụng đến năm 2012 thì chị L muốn sang nhượng toàn bộ phần đất cho người khác nên ông ngăn cản và đo đủ 10.400m^2 cho chị L. Còn phần đất dư ra thì ông V sử dụng trồng bạch đàn và rau muống. Nay, chị L yêu cầu ông và bà V trả diện tích đất theo đo đạc thực tế là 544,9m^2 thì ông không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Yến N không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị V trình bày: Bà V thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Nguyễn Văn V. Bà V xác định việc thỏa thuận nhận chuyển nhượng đất của ông Lâm Văn C vào năm 2000 là do bà và chồng bà trực tiếp giao dịch với ông C nhưng ông V là chủ hộ nên ghi giấy sang nhượng là ông V. Năm 1999, ông V tự cho đất chị L 03 công và làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị L không thông qua ý kiến của bà. Đáng lẽ ra bà đòi lại phần đất 03 công mà ông V đã cho chị L và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị L đối với 03 công đất trên. Tuy nhiên, bà không yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn C trình bày: Năm 2000, ông có chuyển nhượng cho ông V và bà V phần đất biền với giá 80 giạ lúa, người trực tiếp sang là bà V. Nhưng khi lập giấy nhượng đất thì thể hiện ông chuyển nhượng cho ông V, khi chuyển nhượng không có đo đạc cụ thể. Có việc ông xác nhận có bán đất cho ông V và chị L là vì trước khi ông bán đất cho ông V thì chị L có hỏi mua nhưng ông không bán vì vẫn còn đang sử dụng, sau khi ông V và bà V hỏi mua thì ông bán vì không còn sử dụng nữa. Khi đó, ông C có nói "*trước đây Loan có hỏi mua nhưng tôi không bán giờ sang cho chị (bà V) thì khó xử với Loan*" thì bà V nói "*cùng là mẹ con chung đó, có mất đi đâu*". Thực tế thì ông C không có gặp trực tiếp chị L, anh S khi thỏa thuận sang bán và cũng không nhận 40 giạ lúa của chị L và anh S. Ngoài ra, ông không có yêu cầu hay ý kiến gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị L trình bày: Bà Lệ thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Lâm Văn C.

Từ nội dung trên tại Bản án số 08/2018/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hoàng L và anh Lê Hoàng S đối với ông Nguyễn Văn V về việc đòi lại diện tích đất tranh chấp 544,9m^2 tại thửa 244, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã B, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí thẩm định, định giá, quyền kháng cáo cho các bên đương sự .

Ngày 13 tháng 6 năm 2018, nguyên đơn chị Nguyễn Hoàng L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị L. Buộc

ông Nguyễn Văn V trả lại diện tích đất qua đo đạc thực tế 544,9m^2, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã B, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Hoàng L vẫn giữ nguyên kháng cáo. Chị xác định đất tranh chấp nằm trong phần đất chị hùn với cha là ông V mua của ông C, chị đã hùn số lúa là 40 giạ giao cho ông V. Nay chị yêu cầu ông V và bà V trả diện tích qua đo đạc thực tế là 388,4m^2 + 99,5m^2 = 487,9m^2.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hảo trình bày: Do là cha mẹ và con nên bà L hùn chuyển nhượng đất không có giấy tờ nhưng ông Lâm Văn C có xác nhận là bà V nói "*cùng là mẹ con chung đó*". Dù thực tế bà L không có căn cứ pháp lý đối với việc kiện đòi đất tranh chấp nhưng thực tế từ trước năm 2012 thì bà L là người sử dụng đất tranh chấp và bà L cần đường để thoát nước và chở lúa nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa toàn bộ Bản án dân sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H.

Ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ y Bản án sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét kháng cáo của chị L yêu cầu ông Nguyễn Văn V trả lại diện tích đất qua đo đạc thực tế là 487,9m^2: Chị L xác định đối với diện tích đất tranh chấp nêu trên có nguồn gốc là chị và ông V hùn tiền để nhận chuyển nhượng đất của ông Lâm Văn C vào năm 1998 với giá 80 giạ lúa, chị đã giao ông V 40 giạ lúa.

[3] Theo biên bản đo đạc ngày 12/10/2018 và bản trích đo địa chính ngày 26/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H xác định diện tích phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế là 487,9m^2 nằm tại thửa 241, tờ bản đồ số 06 (đo đạc theo sự chỉ ranh của chị Nguyễn Hoàng L). Xét về nguồn gốc phần đất tranh chấp cả chị L và ông V xác định là nhận chuyển nhượng của ông Lâm Văn C. Chị L xác định là chị hùn tiền với ông V để chuyển nhượng phần đất trên. Tuy nhiên ông V, bà V là cha mẹ chị L không thừa nhận. Đồng thời, ông Lâm Văn C là người chuyển nhượng đất thì xác định chuyển nhượng phần đất biền với giá 80 giạ lúa cho ông V và bà V, ông C giao đất và nhận lúa của ông V, bà V, ông C không có chuyển nhượng phần đất nào cho chị L.

[4] Công văn số 54/CN.VPĐK ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H xác định phần đất tại thửa 241 tờ bản đồ số 06 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai nhưng đã được ông

Lâm Văn C kê khai đăng ký tại sổ mục kê của địa phương. Do đó có cơ sở xác định toàn bộ diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Lâm Văn C. Tại phiên tòa hôm nay, chị L cũng không có chứng cứ chứng minh phần đất tranh chấp là chị hùn tiền với ông V để chuyển nhượng của ông C nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Hoàng L và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Chi phí xem xét thẩm, định tại chỗ và án phí dân sự phúc thẩm chị Nguyễn Hoàng L phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 203 Luật Đất đai 2013; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Hoàng L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hoàng L và anh Lê Hoàng S đối với ông Nguyễn Văn V về việc đòi ông V trả lại diện tích đất tranh chấp 487,9m^2 nằm tại thửa 241, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã B, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp: Chị Nguyễn Hoàng L và anh Lê Hoàng S phải nộp 2.325.000 đồng. Chị L đã nộp xong.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Hoàng L và anh Lê Hoàng S phải chịu 200.000 đồng. Chị Nguyễn Hoàng L đã nộp tạm ứng 200.000 đồng theo Biên lai thu số 001837 ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu án phí.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Hoàng L phải chịu 300.000 đồng. Chị Nguyễn Hoàng L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004088 ngày 21/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND H. H (01 bản);
- CCTHADS H. H (01 bản);
- Các đương sự (07 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Cao Thị Túy Giang